ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 148/2026/QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 519/TTr-STC ngày 24 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định kèm Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 11 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 148/2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và chủ khoản viện trợ trong quá trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng khoản viện trợ.

2. Các nội dung về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh khoản viện trợ và các nội dung khác không được quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh.

2. Chủ khoản viện trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆN TRỢ

Điều 3. Tổ chức thực hiện và quản lý khoản viện trợ

1. Chủ khoản viện trợ tổ chức thực hiện và sử dụng khoản viện trợ theo

quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn kiện khoản viện trợ và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng khoản viện trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, nội dung và tiến độ được phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, chủ khoản viện trợ phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao để quản lý, sử dụng khoản viện trợ; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết.

3. Việc điều chỉnh khoản viện trợ đã được phê duyệt thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Việc ký kết, thực hiện thỏa thuận với Bên cung cấp viện trợ và tổ chức các hoạt động có yếu tố nước ngoài trong quá trình thực hiện khoản viện trợ phải tuân thủ quy định về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh và quy định pháp luật có liên quan.

5. Chủ khoản viện trợ thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tiếp nhận, thực hiện, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định; gửi báo cáo cho Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quản lý tài chính và tài sản hình thành từ viện trợ

1. Việc quản lý tài chính đối với khoản viện trợ thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng vốn đối ứng thực hiện theo quyết định phê duyệt khoản viện trợ, khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

3. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, hạch toán, bàn giao và xử lý tài sản hình thành từ khoản viện trợ thực hiện theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Việc mở tài khoản, kiểm soát chi, thanh toán, hạch toán, ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và quy định có liên quan tại Kho bạc Nhà nước.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

1. Làm đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý, theo

dõi, tổng hợp tình hình tiếp nhận, thực hiện và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP; làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tham gia ý kiến đối với khoản viện trợ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp tình hình quản lý tài chính, sử dụng, giải ngân, quyết toán và quản lý tài sản đối với các khoản viện trợ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Tổng hợp nhu cầu vốn đối ứng và các nguồn lực cần thiết để thực hiện các khoản viện trợ; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

5. Xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu về các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; theo dõi tình hình tiếp nhận, tiến độ thực hiện, sử dụng và giải ngân đối với các khoản viện trợ dưới hình thức dự án, phi dự án.

6. Chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

7. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản lý và sử dụng viện trợ; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền.

8. Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; định kỳ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành các nội dung liên quan đến quản lý và sử dụng viện trợ;

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền;

c) Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động đối ngoại trong khuôn khổ khoản viện trợ theo quy định.

2. Công an tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Phối hợp cho ý kiến đối với khoản viện trợ khi được đề nghị;

b) Phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động của tổ

chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc triển khai khoản viện trợ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thực hiện khoản viện trợ theo thẩm quyền.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp tham gia ý kiến, theo dõi, đánh giá các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dân tộc, tôn giáo trong quá trình thực hiện khoản viện trợ.

4. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

a) Phối hợp với Sở Tài chính, chủ khoản viện trợ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tiếp nhận, thực hiện, theo dõi, kiểm tra, giám sát khoản viện trợ thuộc lĩnh vực quản lý;

b) Tham gia ý kiến đối với khoản viện trợ khi được đề nghị; chịu trách nhiệm về nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Chủ động giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền và kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi địa bàn quản lý:

a) Phối hợp với Sở Tài chính, chủ khoản viện trợ và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai khoản viện trợ trên địa bàn.

b) Nắm tình hình, phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động liên quan đến khoản viện trợ trên địa bàn theo quy định;

c) Kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề phát sinh.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ khoản viện trợ

1. Quản lý, sử dụng khoản viện trợ và vốn đối ứng (nếu có) đúng mục đích, đối tượng, nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ kế toán, quyết toán, quản lý tài sản và lưu trữ hồ sơ liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tiếp nhận, thực hiện, quản lý và sử dụng khoản viện trợ; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, trung thực của thông tin, số liệu báo cáo.

4. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện khoản viện trợ; thực hiện các kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

5. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết trong quá trình thực hiện khoản viện trợ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Sở Tài chính chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản đến Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền.

Điều 9. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện theo văn bản mới. Khi phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung không còn phù hợp, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế theo quy định.